

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CIO+CTK3+TD5+RP2	7:25	3+1+9+8	0+0+0+0		0+3+0+19	0+0+0+0	
2		MRM+TD5+P2	9:25	6+6+8	0+0+0		6+1+14	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24-Jan-18	TO: CLO - CTK3 - TD5 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - DKHANH	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN VIEN	CLO	84-85	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VAN THIET	CLO	86	1	7	20	70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN NGOC QUYET	CLO	88	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG QUOC VU	CTK3					70	SAN BAY	Vietnamese
5	NGUYEN TRI TIN	CTK3	33	1	10		78	SAN BAY	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN ANH	TD5	70	1	12		65	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC TOAN	TD5	68-69	2	12		60	DVL	Vietnamese
8	PHAN VINH TRUONG	TD5	64	1	10		67	DVL	Vietnamese
9	LE PHU PHUC	TD5	63	1	7		85	DVL	Vietnamese
10	TÀ MINH UY	TD5	62	1	12		60	DVL	Vietnamese
11	THAN VAN KIEN	TD5	67	1	10	36	65	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO MINH TIEN	TD5	95-96	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VU TRONG HOE	TD5	58-59	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN KHANH	TD5	60-61	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN QUY DUNG	RP2	41	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
16	TÀ VĂN CƯỜNG	RP2	42-43	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
17	VÔ NGUYEN MINH PHUOC	RP2	39-40	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HUNG	RP2	52	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN ĐÀU	RP2	44	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN ĐANG HUAN	RP2	45-46	2	17	10	78	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN KHAC QUANG	RP2	49	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HIỆP	RP2	47-48	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	4	32	212	20	0		
2	CTK3	2	1	10	148	0	3		
3	TD5	9	13	109	595	36	0		
4	RP2	8	12	120	551	10	19		
TOTAL		22	30	271	1.506	66	22		
WEIGHT KG				271	1.506	66			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2018	TO: MRM - TD5 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - MMinh - DKHÁNH	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV MIKHAIL	MRM	23	1	10		145	KHOAN	Russian
2	KICHEV ALEXEY	MRM	22	1	8		70	KHOAN	Russian
3	PETEL SERGEY	MRM	21	1	8		94	KHOAN	Russian
4	KOTOV ALEKSEI	MRM	20	1	15		100	KHOAN	Russian
5	TIKHONOV EVGEHII	MRM	25-26	2	10		97	KHOAN	Russian
6	KADATOV MIKHAIL	MRM	24	1	7		69	KHOAN	Russian
7	NGUYEN BA THANH	TD5	91-92	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THANH	TD5	94	1	10		80	DVL	Vietnamese
9	TRAN ANH TUAN	TD5	93	1	12	5	75	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC HUY	TD5	89	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRUONG MINH THANG	TD5	37	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	LE HONG LONG	TD5	90	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
13	DO NGOC TAM	P2	61	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUNG	P2	54-55	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN CHIEN	P2	59-60	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUAN	P2	64-65	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN DU	P2	66	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG DINH HOA	P2	56-57	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BÓ	P2	58	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG QUYEN	P2	62-63	2	10		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	7	58	575	0	6		
2	TD5	6	7	69	435	05	1		
3	P2	8	13	109	547	0	15		
TOTAL		20	27	236	1.557	05	22		
WEIGHT KG				236	1.557	05			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	BK16+GTCL+RP2	7:25	8+7+3	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
2	846	CTK3+P9+BK15	7:25	20+2+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
3	420	P1+BK5+PPD	7:25	3+5+14	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
4	424	PVD2+CTK3+RP3	7:25	7+13+2	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
5	622	T.UNG	7:25	18	0		14	0	
6	410	BK10+CTK3+TD5	9:25	7+9+6	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
7	846	AMD+CNV+TD1	9:25	18+0+1	0+0+0		15+1+6	0+0+0	
8	420	CTK3+P2	9:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
9	424	P5+P10+PPD	9:25	5+1+16	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
10	410	JS2+BK16	11:25	21+0	0+0		14+8	0+0	
11		P6	17:35	0	0		0	0	HUẤN LUYỆN BAY

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
8 NGƯỜI VỀ TỪ TD3+BK8 QUA TD5 ĐỂ VỀ; BK16-3 NGƯỜI + CTK3-6 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY ; 4 PSV ĐI PPD QUA P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Jan-18	TO: BK16 - GTC1 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TUYỀN - Luy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG VINH	BK16					92	DIEUHANH	Vietnamese
2	TRAN VAN LINH	BK16	41	1	5		73	DIEUHANH	Vietnamese
3	SAVELEV	BK16	300	1	3		112	DIEUHANH	Russian
4	VU VAN TIEN	BK16	96	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN HUNG	BK16	38	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	LE MINH THANG	BK16	40	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN PHUC PHUONG	BK16	39	1	5	30	75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN XUAN HOA	BK16	42	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	KURPASOV V.A	GTC1	75	1	10		72	KH-THAC	Russian
10	SOKOLJUK S.M	GTC1	70,80	2	15	50	80	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN HUU TAN	GTC1	71	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
12	VU TRUNG KIEN	GTC1	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGHIEM XUAN ANH	GTC1	76	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NHAN	GTC1	72	1	6		75	NIP1	Vietnamese
15	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	74	1	3		73	PSV	Vietnamese
16	BUI QUANG CONG	RP2	56-57	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN NGOC	RP2	55	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN HUU SON	RP2	53-54	2	14		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	8	7	31	629	30	0		
2	GTC1	7	8	50	507	50	5		
3	RP2	3	5	45	194	0	17		
TOTAL		18	20	126	1.330	80	22		
WEIGHT KG				126	1.330	80			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2018	TO: CTK3 - P9 - BK15	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - Nnam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH MINH ĐỨC	CTK3	42	1	5		75	LILAMA-18	Vietnamese
2	DƯƠNG HỒNG LINH	CTK3	43	1	7		70	LILAMA-18	Vietnamese
3	БОГДАНОВ Е. В.	CTK3	54	1	7		85	KH-THAC	Russian
4	ORLOV I.V.	CTK3	51	1	5		90	KH-THAC	Russian
5	PASHCHANOV A.V.	CTK3	50	1	4		102	KH-THAC	Russian
6	YAKOVENKO N.V.	CTK3	52	1	2		70	KH-THAC	Russian
7	MAKAROVA N.V.	CTK3	53	1	2		53	KH-THAC	Russian
8	PHAM XUAN HOA	CTK3					72	YTE	Vietnamese
9	NG. THIÊN TOÀN	CTK3	61-62	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THE DIEN	CTK3	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH QUỐC HUY	CTK3	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HIEN	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SAU	CTK3	48-49	2	6	35	68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN SON HA	CTK3	58	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	47	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN DU	CTK3	56	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
17	LE MINH ĐỨC	CTK3	59-60	2	20		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LIBETKOB A.B	CTK3	41	1	8		102	KH-THAC	Russian
19	NGUYEN TRỌNG LINH	CTK3	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA HUE	CTK3	45-46	2	6		72	KH-THAC	Vietnamese
21	MEDVEDEVSKY	P9	23	1	4		96	DIEUHANH	Russian
22	NIKITIN	P9	22	1	5		92	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	22	112	1.466	35	17		
2	P9	2	2	9	188	0	0		
3	BK15	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	24	121	1.654	35	22		
WEIGHT KG				121	1.654	35			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2018	TO: P1 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - TTrung - Toan	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ NGỌC HÙNG	P1	57	1	5		80	DIEUHANH	Vietnamese
2	ZEMLIANOV	P1	55	1	5		80	DIEUHANH	Russian
3	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P1	56	1	5		71	DIEUHANH	Vietnamese
4	LÊ TRUNG HIỆU	BK5	94-95	2	14		82	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HÙNG	BK5	03-04	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN TINH	BK5	89-90	2	17	60	75	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯỜNG HỮU PHÚC	BK5	93	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
8	QUÁCH HẢI HÙNG	BK5	91-92	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHÙNG PHÚ SỬA	PPD	30-31	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN HAI	PPD	39	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	40	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGOC DUNG	PPD	27	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	36	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC TRUONG	PPD	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH DUY NAM	PPD	35	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TÂN	PPD	37	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC ANH	PPD	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	34	1	5	67	60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	PPD	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯỜNG TRI DUNG	PPD	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	3	3	15	231	0	0		
2	BK5	5	9	67	364	60	4		
3	PPD	14	15	64	899	67	18		
TOTAL		22	27	146	1.494	127	22		
WEIGHT KG				146	1.494	127			

GRAND TOTAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Jan-18	TO: PVD2 - CTK3 - RP3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 09:30
NAU-1		TDUNG - CUƠNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	PVD2	25	1	7		72	DIEUHANH	Vietnamese
2	VU XUAN TIEN	PVD2	24	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC LONG	PVD2	27	1	13		55	DVL	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG THỨC	PVD2	30-31	2	9		72	DVL	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH TUẤN	PVD2	26	1	12		83	DVL	Vietnamese
6	VƯƠNG KIẾN QUỐC	PVD2	29	1	10		75	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN HUNG DUNG	PVD2	28	1	13		73	DVL	Vietnamese
8	LÊ THANH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HE	CTK3	40	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐÔNG	CTK3	41	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUỐC THAI	CTK3	38	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH DIỆN	CTK3	44	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUY HA	CTK3	42	1	10	12	82	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	43	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH HUY	CTK3	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CTK3	45	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	48	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	50	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	39	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CANH HUNG	CTK3	46-47	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH CÔNG	RP3	71	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
22	TRỊNH LÊ HUY	RP3	70	1	7	50	62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	8	71	495	0	0		
2	CTK3	13	13	85	965	12	14		
3	RP3	2	2	15	129	50	8		
TOTAL		22	23	171	1.589	62	22		
WEIGHT KG				171	1.589	62			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phuong - HLONG	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	86	1	2		70	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	BK THIE	74	1	5		75	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	BK THIE	81	1	5		80	PVD	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN SƠN	BK THIE	45	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẦN QUANG HOÀ	BK THIE	83	1	4	45	78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	71	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	KIỀU XUÂN TÂM	BK THIE	84	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO DUY TỰ	BK THIE	70	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	BK THIE	92	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ANH TUẤN	BK THIE	91	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TOÀN	BK THIE	75,82	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẦN QUỐC CƯỜNG	BK THIE	78-79	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG QUANG THANH	BK THIE	73	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	80	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	90	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE					70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	BK THIE	72	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	76-77	2	8		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	20	87	1.208	45	14		
	TOTAL	18	20	87	1.208	45	14		
	WEIGHT KG			87	1.208	45			

GRAND TOAL: 1.340 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2018	TO: BK10 - CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TUYẾN - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH THACH	BK10	10	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VAN CHIEN	BK10					78	XAYLAP	Vietnamese
3	HA MANH CUONG	BK10	07-08	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
4	QUACH XUAN THUONG	BK10	09	1	17	50	57	XAYLAP	Vietnamese
5	VU VAN DUAN	BK10	04	1	17	21	72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN QUOC TOAN	BK10	05	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HAM CHUNG	BK10	06	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO HUU HUY TU	CTK3	56	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUANG THANG	CTK3	60	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BAC	CTK3	53	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
12	VU HUU HA	CTK3	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	57	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN BINH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MUOI	CTK3	59	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
16	DO HUU DEC	CTK3	58	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN QUYET	TD5	73	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	QUACH THE ANH	TD5	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	VU NGOC TU	TD5	79	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH SANG	TD5	75-76	2	16	45	80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN QUY	TD5	78	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI XUAN TRUONG	TD5	77	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	7	93	477	71	0		
2	CTK3	9	8	47	631	0	10		
3	TD5	6	7	51	447	45	12		
TOTAL		22	22	191	1.555	116	22		
WEIGHT KG				191	1.555	116			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2018	TO: AMD - CNV - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - N Nam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH THUONG MAI	AMD	31-32	2	18		59	KH-THAC	Vietnamese
2	THAN CANH THINH	AMD	40-42	3	18		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH HAI	AMD	30	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC TUAN	AMD	36-37	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC CUONG	AMD	24	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VIET THANG	AMD	27	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	33-34	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TANG XUAN HAI	AMD	22	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO QUANG THANG	AMD	39	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	23	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN VIET	AMD	35	1	4	60	77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHIỆP	AMD	38	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN TRUNG	AMD	49-50	2	15	30	61	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VAN QUY	AMD	47-48	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH DUC	AMD	45-46	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VY	AMD	28-29	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NATTANON KHONGTHIP	AMD	43	1	6	18	84	KH-THAC	Thailand
18	PHAM XUAN DUONG	AMD	25-26	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	28	181	1.249	108	15		
2	CNV	0	0	0	0	30	1		
3	TD1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	28	181	1.249	138	22		
WEIGHT KG				181	1.249	138			

GRAND TOAL: 1.568 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Jan-18	TO: CTK3 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Nam - TTrung - Năm - Toan	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARTIUSHIN	CTK3	75	1	14		95	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN MINH PHUNG	CTK3	65	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese
3	TRAN NGOC HUY	CTK3	69	1	5		63	ANTOAN	Vietnamese
4	PHAN VAN TUAN	CTK3	77-78	2	15		70	PSV	Vietnamese
5	VUONG DINH DONG	CTK3	71	1	5		82	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN THU TRANG	CTK3	70	1	5		65	PSV	Vietnamese
7	TRAN DINH MINH	CTK3	66	1	7		77	PSV	Vietnamese
8	TRUONG THANH TRI	CTK3	73	1	2		72	PSV	Vietnamese
9	PHAN CONG SAM	CTK3	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	HOANG VAN BAC	CTK3	68	1	2		67	PSV	Vietnamese
11	LE VAN MINH	CTK3	67	1	5		78	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN THANH SON	CTK3	72	1	8		87	PSV	Vietnamese
13	HOANG THAI LONG	CTK3	74	1	3		57	PSV	Vietnamese
14	VO TIEN PHAT	P2	83-84	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LE QUY BUONG	P2	85	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN LOC	P2	82	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC QUANG	P2	88	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN TAN	P2	89-90	2	15	45	65	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	P2	91	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MINH DONG	P2	92-93	2	9		60	PSV	Vietnamese
21	HOANG VAN TRONG	P2					105	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC KHANH	P2	94	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	14	83	948	0	12		
2	P2	9	11	97	607	45	10		
TOTAL		22	25	180	1.555	45	22		
WEIGHT KG				180	1.555	45			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2018	TO: P5 - P10 - PPD	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: MTHANG - VTHU -	ETA: 11:40
TRANG-2		TDUNG - CUONG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TUAT	P5	16	1	12		79	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN MINH TUAN	P5	14-15	2	11		64	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN HANH	P5	17-18	2	18	20	62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN NHAT LINH	P5	11	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
5	LE HONG HAN	P5	12-13	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN TAM NHAN	P10	60	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG VAN TANG	PPD	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO MANH HUNG	PPD	57-58	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HA	PPD	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRAN VIET	PPD	52	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	VU CHI KIEN	PPD					80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	59	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THI THANH	PPD	50	1	11		67	PSV	Vietnamese
14	PHAM VAN DIEP	PPD	53	1	3		45	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	PPD	62	1	5	20	70	PSV	Vietnamese
16	LE DUC CUONG	PPD	65	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	PHAN THANH HAI	PPD	51	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	TRAN TIEN BANG	PPD	60	1	4		64	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN KIEN	PPD	48-49	2	10		70	PSV	Vietnamese
20	QUACH SY TY	PPD	54	1	5		63	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN GIANG	PPD	63-64	2	7		58	PSV	Vietnamese
22	TRAN LE VIET	PPD	61	1	4		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	8	70	341	20	0		
2	P10	1	1	6	84	0	1		
3	PPD	16	18	96	1.054	20	21		
TOTAL		22	27	172	1.479	40	22		
WEIGHT KG				172	1.479	40			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Jan-18	TO: JS2 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - Luy	ETA: 13:30
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDWIN PINTO	JS2	73	1	9		110	KHOAN	Indian
2	FERRY KURNIAWAN	JS2	74-75	2	11		75	KHOAN	Indonesian
3	AULIA LUTHFIANSYAH	JS2	78	1	10	26	70	KHOAN	Indonesian
4	PARK JEROME WILFRED BRISTBANE	JS2	74-75	2	16		100	KHOAN	Indian
5	NGUYEN VAN MAN	JS2	84	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN HOAI NIEM	JS2	72	1	8	85	72	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM HAI QUAN	JS2	67	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN BA KHANH	JS2	61	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THAI LAM	JS2	66	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	LUU VAN LOI	JS2	80	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MINH	JS2	69	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN VINH	JS2	63-64	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LINH	JS2	71	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THAI HOP	JS2	79	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
15	TA NGOC HA	JS2					72	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VAN BON	JS2	60	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN TUAN NGHIA	JS2	62	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRONG	JS2	59	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	LE THANH NGOC	JS2	68	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
20	BUI NGOC TU	JS2	65	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	NGO VIET PHUONG	JS2	70	1	3		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	23	156	1.473	111	14		
2	BK16	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	23	156	1.473	111	22		
WEIGHT KG				156	1.473	111			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN